TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 17 -7- 2023

V/v: "Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Bá Bảo và bà Vũ Thị Lệ Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà: Bà Lưu Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, về việc: *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2023/QĐST- DS ngày 29/6/2023; giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**;

Địa chỉ: Lầu 8, 266 -268 đường N, phường X, quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số: 3270/2022/QĐ - PL ngày 26/12/2022): Ông Hoàng Thanh H - Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền lại (theo giấy ủy quyền số: 01/2023/UQ-CNĐN ngày 23/3/2023): Ông Nguyễn Thành N - Chuyên viên xử lý nợ. *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà **Võ Thị Xuân T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 78 đường Q, tổ B, phường A, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 11/03/2020, bà Võ Thị Xuân T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào chính sách xác nhận lương của Bà T, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 120.000.000 đồng với mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp tín dụng bà T đã thực hiện 20 giao dịch với tổng số tiền là 2.311.798.514 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.232.158.635 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau thời gian sử dụng, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 25/07/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ gốc) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 23/03/2023, bà T còn nợ ngân hàng các khoản: Dư nợ gốc: 136.884.480 đồng; lãi quá hạn: 15.659.548 đồng; lãi trong hạn: 7.829.774 đồng.

Tổng cộng: 160.373.803 đồng. Lãi suất trong hạn: 2.50%/tháng. Lãi suất quá hạn: 3.75%/tháng (2.50% x 150%).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán số nợ trên, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết buộc bà T phải phải thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử: 17/7/2023 là: 180.413.645 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 136.884.480 đồng; lãi trong hạn: 13.176.388 đồng; lãi quá hạn: 30.352.777 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/03/2020.

** Bị đơn bà Võ Thị Xuân T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của bà T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

+ Về người tham gia tố tụng:

* Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt"* của Ngân hàng TMCP S đối với bà Võ Thị Xuân T.

Buộc bà Võ Thị Xuân T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 180.413.645 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 136.884.480 đồng; lãi trong hạn: 13.176.388 đồng; lãi quá hạn: 30.352.777 đồng (lãi tạm tính đến ngày 17/7/2023) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/03/2020.

***Về chứng cứ:**

Những sự kiện không cần phải chứng minh:

Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/03/2020.

Những tình tiết các bên thống nhất: Không có.

Những tình tiết các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Võ Thị Xuân T là *tranh chấp*

về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Võ Thị Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/03/2020 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Võ Thị Xuân T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 25/07/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11/03/2020. Việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc bà Võ Thị Xuân T phải trả số tiền: 180.413.645 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 136.884.480 đồng; lãi trong hạn: 13.176.388 đồng; lãi quá hạn: 30.352.777 đồng, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17/7/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 18/7/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/03/2020 cho đến khi bà Thu thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

[3]. Về án phí DS-ST: Bà Võ Thị Xuân T phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 180.413.645 đồng, tương ứng: 9.020.682 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt"* của Ngân hàng TMCP S đối với bà Võ Thị Xuân T.

1. Buộc bà Võ Thị Xuân T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 180.413.645 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc: 136.884.480 đồng; lãi trong hạn: 13.176.388 đồng; lãi quá hạn: 30.352.777 đồng (lãi tạm tính đến ngày 17/7/2023) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2023 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 11/03/2020.

2. Án phí DS- ST: 9.020.682 đồng *(Chín triệu không trăm hai mươi ngàn sáu trăm tám mươi hai đồng)* bà Võ Thị Xuân T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.009.345 đồng *(Bốn triệu không trăm lẻ chín ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003678 ngày 20/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận *(hoặc niêm yết)* bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện KSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đông Thanh